

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Lê Bình Quyền
 - 2. Bà Lương Thị Huyền
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoàng Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Toàn, Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1990. Có đơn xin xét xử mặt.
Địa chỉ: khu phố Cỏ Xanh, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương.
Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1990. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Q, xã Hoàng Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 04/3/2024, nguyên đơn chị Phạm Thị M thể hiện:

Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 được UBND xã Hoàng Đ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thị Hà Thanh, sinh ngày 12/8/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với chị M. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thanh và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay chị làm công Ty tại Khu công nghiệp Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mức thu nhập mỗi tháng là 17.148.000đồng.

Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Trần Văn Sơn (em trai anh L) và anh Sơn cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho anh L.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Trần Văn Sơn ngày 27/3/2024 thể hiện:

Anh Trần Văn L và chị Phạm Thị M tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoàng Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2016. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường. Hơn một năm nay anh L về ở cùng với gia đình tôi và không thấy chị M về cùng. Tôi được biết vợ chồng anh chị có mâu thuẫn bất đồng quan điểm và đã sống ly thân hơn một năm. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh L, tôi(Sơn) có trách nhiệm thông báo cho anh L tới anh đi làm về(anh L cũng đã biết việc chị Mai làm đơn xin ly hôn anh), tôi cam đoan giao tận tay cho anh L.

Về con chung: Vợ chồng anh L, chị M có 01 con chung là cháu Trần Thị Hà Thanh, sinh ngày 12/8/2016. Từ khi vợ chồng anh L chị M sống ly thân cháu ở với chị M. Do cháu Thanh đang còn nhỏ. Nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh L đồng ý giao cháu Thanh cho chị M nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của cháu Trần Thị Hà Thanh thể hiện: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chị Phạm Thị M đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn anh Trần Văn L chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Công nhận chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn L có 01 con chung cháu tên là Trần Thị Hà Thanh, sinh ngày 12/8/2016. Cháu Thanh còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ và thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân cháu được chị M nuôi dưỡng. Anh L cũng đồng ý giao cháu Thanh cho chị M nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu Trần Thị Hà Thanh cho chị Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phạm Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn L và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Phạm Thị M là nguyên đơn, anh Trần Văn L là bị đơn.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Trần Văn L có địa chỉ tại xã Hoàng Đ , huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Phạm Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn L và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, chính quyền địa phương xã Hoàng Đ xác nhận: Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn L tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoàng Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2016, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được. Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên cháu là Trần Thị Hà Thanh, sinh ngày 12/8/2016.

Tại phiên tòa ngày 13/5/2024, bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay,

anh L vắng mặt không có lý do, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn L kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đ, huyện Hoàng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Chị M có nguyện vọng xin được ly hôn anh L. Anh L không có ý kiến gì nhưng đến nay chị M vẫn cương quyết xin được ly hôn anh. Tòa án thụ lý vụ án từ ngày 01/3/2024 cho đến nay chị M vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh L. Như vậy, anh L vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M, cho chị được ly hôn với anh Trần Văn L là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn L có 01 con chung cháu tên là Trần Thị Hà Thanh, sinh ngày 12/8/2016.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Phạm Thị M: Xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị M là phù hợp vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Thanh ở cùng với chị, chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị M giao cháu Thanh cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản: Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Mai đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Công nhận cháu Trần Thị Hà Thanh, sinh ngày 12/8/2016 là con chung của chị Phạm Thị M và anh Trần Văn L.

Giao cháu Trần Thị Hà Thanh cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị M và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh.

Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003742 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị M đã thi hành xong.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Thị M, bị đơn anh Trần Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng Đ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phương

